

V/v tranh chấp ly hôn

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn là ông Dương Phong B trình bày:*

Thừa nhận thời điểm kết hôn và quá trình chung sống như bà T trình bày. Trước yêu cầu của bà T đưa ra, ông B không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn có tình cảm với bà T. Ông B yêu cầu đoàn tụ với bà T. Trường hợp phải ly hôn, ông B đồng ý để bà T tiếp tục nuôi 02 người con chung. Ông B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà T trình bày bổ sung: 02 người sống ly thân từ khi bà T nộp đơn xin ly hôn đến nay. Không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông B được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông B.

[2] Tại phiên tòa, bà T rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà T.

[3] Bà T và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên được công nhận là vợ chồng. Tuy ông B có yêu cầu đoàn tụ với bà T. Nhưng Tòa án đã triệu tập hòa giải, ông B không có mặt. Phía bà T xác định từ khi nộp đơn ly hôn đến nay, hai người không còn sống chung, ông B bỏ mặc mẹ con bà T. Do đó, xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông B.

[4] Các đương sự có 02 người con chung hiện do bà T nuôi dạy. Trường hợp ly hôn, ông B đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi các con chung. Sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của người con hơn 07 tuổi và độ tuổi của người con còn lại.

[5] Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Các đương sự không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không xem xét.

[7] Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa: Bà T có mặt tại, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; ông B vắng mặt nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Dương Phong B.
2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.
3. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T được ly hôn đối với ông Dương Phong B.
4. Bà T được quyền tiếp tục nuôi dạy 02 người con chung tên Dương Thái B (giới tính: Nam), sinh ngày 06/9/2010 và Dương Thái D (giới tính: Nam), sinh ngày 19/6/2016.
5. Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.
6. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005713 ngày 12/9/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ.
7. Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Bình Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế